

Số:1230/BC-SVHTTDL

Nam Định, ngày 11 tháng 9 năm 2023

BÁO CÁO
Công tác Cải cách hành chính Quý III năm 2023

Căn cứ Kế hoạch số 158/KH-UBND ngày 30/12/2022 của UBND tỉnh về việc ban hành Kế hoạch CCHC năm 2023; Công văn số 321/SNV-TCBM ngày 23/02/2022 của Sở Nội vụ về hướng dẫn thực hiện chế độ báo cáo công tác CCHC định kỳ hàng năm; Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch báo cáo công tác cải cách hành chính (CCHC) Quý III năm 2023, cụ thể như sau:

I. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

1. Về xây dựng Kế hoạch cải cách hành chính

- Tập thể Lãnh đạo Sở chỉ đạo các cấp ủy Đảng, Thủ trưởng phòng chuyên môn, đơn vị thuộc Sở tạo sự đồng thuận, thống nhất cao trong việc lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành, tổ chức thực hiện Kế hoạch CCHC. Đề cao trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, đơn vị trong việc triển khai, tổ chức thực hiện các nhiệm vụ CCHC và thực hiện nghiêm việc đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của người đứng đầu cơ quan, đơn vị theo Quyết định số 10/2017/QĐ-UBND ngày 25/4/2017 của UBND tỉnh.

Trên cơ sở Kế hoạch CCHC năm 2023 của Sở triển khai tổ chức thực hiện đảm bảo nội dung, chất lượng và đúng tiến độ:

+ Phân đầu hoàn thành các mục tiêu của Kế hoạch CCHC tỉnh năm 2023; Kế hoạch CCHC của Sở năm 2023 và giai đoạn 2021-2025.

+ Xác định rõ trách nhiệm người đứng đầu các cơ quan, đơn vị trong việc triển khai, tổ chức thực hiện các nhiệm vụ CCHC.

+ Các chỉ tiêu, nhiệm vụ trong Kế hoạch CCHC 2023 của Sở được gắn kết với việc hoàn thành các chỉ tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của Sở, tỉnh năm 2023.

+ Các phòng chuyên môn, đơn vị thuộc Sở chủ động nghiên cứu, sáng tạo, áp dụng những giải pháp đổi mới để CCHC là khâu đột phá trong công tác quản lý, chỉ đạo, điều hành Sở.

+ Lấy sự hài lòng của người dân, tổ chức làm thước đo đánh giá chất lượng và hiệu quả hoạt động của cơ quan.

2. Công tác chỉ đạo điều hành

Trong Quý III, Sở VHTTDL đã nghiêm túc tổ chức quán triệt, triển khai các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn của Trung ương, của tỉnh về công tác CCHC, kiểm soát thủ tục hành chính (TTHC) tới toàn thể công chức, viên chức; Thường xuyên gắn công tác cải cách hành chính với các cuộc họp giao ban, sinh hoạt

chuyên đề.. của cơ quan. Đồng thời, triển khai công tác thi đua khen thưởng gắn liền với thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính.

Công tác thi đua, khen thưởng gắn với thực hiện nhiệm vụ Cải cách hành chính tại cơ quan, đơn vị; những sáng kiến hay, cách làm hay để thực hiện hiệu quả công tác Cải cách hành chính của cơ quan, đơn vị.

Đánh giá công tác CCHC của Sở thông qua kỳ họp giao ban thường kỳ, nhằm đảm bảo triển khai đạt kết quả. Đôn đốc việc báo cáo kết quả cải cách hành chính và xác định những nhiệm vụ trọng tâm cải cách hành chính trong hàng quý tiếp theo.

3. Công tác Kiểm tra cải cách hành chính

- Trong Quý III Sở đang tiến hành kiểm tra công tác CCHC tại 6 phòng QLNN và đơn vị sự nghiệp trực thuộc. Thông qua công tác kiểm tra giúp Sở nắm bắt được tình hình triển khai thực hiện cải cách hành chính và quy chế dân chủ tại các phòng, đơn vị thuộc Sở; những khó khăn, vướng mắc qua đó có những giải pháp nhằm nâng cao công tác cải cách hành chính và quy chế dân chủ ở cơ sở.

- Đôn đốc, hướng dẫn các phòng chuyên môn, đơn vị thuộc Sở tổ chức triển khai công tác CCHC theo yêu cầu, nhiệm vụ tại Chương trình, Kế hoạch CCHC giai đoạn 2021-2025 và Kế hoạch CCHC năm 2023 của UBND tỉnh và Sở. Đánh giá những mặt làm được, chưa làm được, hạn chế, nguyên nhân và những khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thực hiện các văn bản chỉ đạo của Trung ương và UBND tỉnh về công tác CCHC để xác định những vấn đề cần tập trung chỉ đạo.

4. Công tác thông tin tuyên truyền

Sở VHTTDL tiếp tục chỉ đạo các phòng QLNN, đơn vị sự nghiệp trực thuộc thực hiện tốt Kế hoạch số 1488/KH-SVHTTDL ngày 27/12/2022 về việc thông tin tuyên truyền CCHC năm 2023.

Theo đó Sở đã triển khai tới các phòng, đơn vị trực thuộc các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn của tỉnh và của đơn vị về công tác CCHC, kiểm soát TTHC. Đồng thời đăng tải, cập nhật kịp thời các văn bản cũng như các hoạt động liên quan đến công tác CCHC lên Cổng TTĐT Sở VHTTDL, để phục vụ hoạt động tra cứu, tìm hiểu của công chức, viên chức và tổ chức cá nhân.

Quản trị tới các phòng QLNN, các đơn vị sự nghiệp về tăng cường kỷ luật, kỷ cương công chức và đạo đức công vụ, đồng thời xây dựng chương trình công tác năm 2023 trong đó xác định công tác CCHC là một trong các nhiệm vụ trọng tâm của hàng quý, 6 tháng và năm.

II. KẾT QUẢ TRIỂN KHAI THỰC HIỆN

1. Cải cách thể chế

- Việc ban hành các Đề án, chính sách trên các lĩnh vực quản lý nhà nước

thuộc thẩm quyền của cơ quan:

- Thực hiện nghiêm túc quy trình xây dựng và ban hành văn bản theo quy định, đảm bảo thời gian và chất lượng, có sự phối hợp chặt chẽ giữa cơ quan soạn thảo và cơ quan thẩm định. Các văn bản ban hành đảm bảo tính khả thi, góp phần vào công tác xây dựng và hoàn thiện thể chế trong lĩnh vực VHTTDL. Việc xây dựng và tổ chức thực hiện văn bản quy phạm pháp luật được tổ chức thực hiện đầy đủ và đúng kế hoạch, triển khai theo đúng Kế hoạch của ban nhân dân tỉnh về công tác xây dựng, kiểm tra, xử lý, rà soát văn bản quy phạm pháp luật năm 2022 trên địa bàn tỉnh.

- Tình hình triển khai và kết quả xây dựng văn bản quy phạm pháp luật (QPPL):

Nâng cao chất lượng, kiểm soát chặt chẽ việc tham mưu, xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật mới đảm bảo tính kịp thời, hợp pháp, đồng bộ, khả thi của hệ thống văn bản theo quy định tại Luật Ban hành văn bản QPPL năm 2015, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản QPPL năm 2020. Trong Quý III/2023, Sở đã tham mưu UBND tỉnh trình thường trực HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết số 81/NQ-HĐND ngày 14/7/2023 đặt tên đường, phố trên địa bàn thị trấn Ngô Đồng, thị trấn Quất Lâm huyện Giao Thủy tỉnh Nam Định. Hiện nay Sở VHTTDL đang thực hiện các bước theo đúng quy trình, thủ tục ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

- Tình hình triển khai rà soát, hệ thống hóa văn bản QPPL, xử lý các vấn đề phát hiện qua rà soát:

Công tác rà soát hệ thống VBQPPL được Sở thực hiện thường xuyên, chưa phát hiện văn bản nào trái luật, không đảm bảo quy định.

- Việc triển khai các văn bản quy phạm pháp luật của Trung ương, UBND tỉnh ban hành trên các lĩnh vực thuộc quản lý của ngành:

Sở VHTTDL nghiêm túc triển khai các văn bản quy phạm pháp luật của Trung ương, UBND tỉnh tới toàn thể cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong toàn ngành. Giao Văn phòng Sở phối hợp với các phòng chuyên môn thường xuyên kiểm soát chặt chẽ việc ban hành mới các thủ tục hành chính đảm bảo đầy đủ, kịp thời. Sở đã chỉ đạo việc rà soát, bổ sung những thủ tục hành chính mới theo chỉ đạo của Bộ VHTTDL, bãi bỏ những bộ thủ tục không còn hiệu lực.

- Tình hình thực hiện kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật; mức độ thực hiện kế hoạch và xử lý kết quả theo dõi tình hình thực thi pháp luật:

Sở đã ban hành Kế hoạch số 58/KH-SVHTTDL ngày 16/01/2023 Kế hoạch công tác tư pháp năm 2023 của Sở VHTTDL; Kế hoạch số 61/KH-SVHTTDL ngày 17/01/2023 về việc ban hành kế hoạch phổ biến, giáo dục và theo dõi tình hình thi hành pháp luật năm 2023 của Sở VHTTDL triển khai cụ thể tới các

phòng Quản lý nhà nước và đơn vị sự nghiệp trực thuộc Sở. Trong kỳ báo cáo việc xử lý kết quả theo dõi tình hình thi hành pháp luật: không có

- *Rà soát, sửa đổi, bổ sung, xây dựng và ban hành các quy chế, quy định quản lý nội bộ cơ quan như:* Quy chế dân chủ, Quy chế chi tiêu nội bộ, Quy chế quản lý và sử dụng tài sản công, Quy chế Thi đua khen thưởng, Quy chế nâng lương trước thời hạn, Thông báo phân công công việc của lãnh đạo Sở

2. Công tác cải cách thủ tục hành chính (TTHC)

a) Về rà soát, kiểm soát đánh giá thực hiện các quy định về TTHC

Sở đã chỉ đạo việc rà soát, bổ sung những thủ tục hành chính mới theo chỉ đạo của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, bãi bỏ những bộ thủ tục không còn hiệu lực; đồng thời, chỉ đạo các phòng quản lý nhà nước rà soát các thủ tục hành chính và thực hiện cắt giảm các bước tối thiểu hóa theo quy định; ngoài các thủ tục hành chính do cơ quan có thẩm quyền ban hành để giảm bớt phiền hà các thủ tục hành chính cho các tổ chức, cá nhân thực hiện các thủ tục hành chính liên quan đến lĩnh vực ngành phụ trách, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch không thực hiện việc ban hành thêm các thủ tục hành chính nào khác.

b) Về công khai thủ tục hành chính

Hiện nay, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch đang thực hiện 145 thủ tục hành chính trong đó có 127 TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở VH-TT-DL, 18 TTHC cấp tỉnh (trong đó: 127 TTHC toàn trình; 18 TTHC một phần). Hiện đã tham mưu UBND tỉnh công bố, công khai 15 TTHC cấp huyện; 07 TTHC cấp xã. Các Quyết định được công bố, công khai trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh, của Sở và trang Dịch vụ công trực tuyến tỉnh Nam Định¹.

Sở VH-TT-DL đã tiếp tục rà soát và trình các cấp có thẩm quyền phê duyệt công bố sửa đổi bổ sung các TTHC khi có Quyết định công bố của Bộ VH-TT-DL theo đúng thời gian và quy định².

Tiếp tục thực hiện Nghị định 61/2018/NĐ-CP và Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06/12/2021 Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP, Thông tư 01/2018/TTVPCP, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của Trung tâm phục vụ HCC, xúc tiến đầu tư và hỗ trợ doanh nghiệp tỉnh thực hiện nghiêm túc Quyết định số 2031/QĐ-UBND ngày 23/9/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh về các TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của

¹ Quyết định số 497/QĐUBND ngày 28/7/2023 của UBND tỉnh Về việc công bố danh mục thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực Du lịch thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch.

² Tờ trình số 978/TTr-SVHTTDL ngày 26/7/2023 Về việc Công bố Danh mục thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực Du lịch thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch đã trình sang UBND tỉnh chờ công bố; Tờ trình số 1025/TTr-SVHTTDL ngày 03/8/2023 Về việc đề nghị ban hành quyết định ủy quyền thực hiện các nội dung quản lý nhà nước và thực hiện thủ tục hành chính về lĩnh vực nghệ thuật biểu diễn thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh trên địa bàn tỉnh Nam Định được quy định tại Nghị định số 144/2020/NĐ-CP ngày 14/12/2020 của Chính phủ.

- Báo cáo số 1035/BC-SVHTTDL ngày 04/8/2023 Kết quả rà soát đơn giản hóa thủ tục hành chính của Sở VH-TT-DL, năm 2023 (trình UBND tỉnh công bố đơn giản hóa 03 TTHC)

Sở VH TTDL thực hiện tại Trung tâm phục vụ hành chính công, xúc tiến đầu tư và hỗ trợ doanh nghiệp tỉnh đảm bảo 100% TTHC được thực hiện tại Trung tâm và có 127/145 (87,58%) số TTHC giải quyết trực tuyến toàn trình;

Kết quả: Tính từ 11/6/2023 đến 10/9/2023, Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch đã tiếp nhận 74 hồ sơ giải quyết TTHC, trong đó: 02 hồ sơ cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hành nghề tu bổ di tích; 02 hồ sơ cấp chứng chỉ hành nghề tu bổ di tích; 01 hồ sơ cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa; 08 hồ sơ cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch quốc tế; Thủ tục cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch nội địa; 04 hồ sơ lĩnh vực thể thao; 05 hồ sơ tổ chức biểu diễn nghệ thuật trên địa bàn quản lý (không thuộc trường hợp trong khuôn khổ hợp tác quốc tế của các hội chuyên ngành về nghệ thuật biểu diễn thuộc Trung ương, đơn vị sự nghiệp công lập có chức năng biểu diễn nghệ thuật thuộc Trung ương); 51 hồ sơ Thủ tục tiếp nhận hồ sơ thông báo sản phẩm quảng cáo trên bảng quảng cáo, băng-rôn; 01 hồ sơ Thủ tục tiếp nhận thông báo tổ chức đoàn người thực hiện quảng cáo; Đã giải quyết trước hạn, đúng hạn 73 hồ sơ, 01 hồ sơ trong hạn đang giải quyết; 0 hồ sơ quá hạn.

(Có biểu mẫu 6a kèm theo)

Biểu số
06a/VPCP/KSTT
Ban hành theo Thông tư số
02/2017/TT-VPCP ngày
31/10/2017

**TÌNH HÌNH, KẾT QUẢ GIẢI
QUYẾT TTHC TẠI CƠ QUAN, ĐƠN VỊ
TRỰC TIẾP GIẢI QUYẾT TTHC**
(Từ ngày 10/12/2022 đến ngày 10/6/2023)

Đơn vị báo cáo:
Sở VHTTDL

Đơn vị nhận báo cáo:
Văn phòng UBND tỉnh

Đơn vị tính: Số hồ sơ

THC

[illegible]

STT	Lĩnh vực, công việc giải quyết theo cấp	Số hồ sơ nhận giải quyết				Số hồ sơ đã giải quyết				Số lượng hồ sơ đang giải quyết		
		Tổng số	Trong đó		Từ kỳ trước							
			Trực tuyến	Trực tiếp, dịch vụ bưu chính		Tổng số	Trước hạn	Đúng hạn	Quá hạn	Tổng số	Trong hạn	Quá hạn
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
	và vừa											
5	Lĩnh vực Nội vụ	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
6	Lĩnh vực Thanh tra	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
7	Lĩnh vực Thể thao	4	4	0	0	4	4	0	0	0	0	0
8	Lĩnh vực TĐKT	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
9	Lĩnh vực Văn hóa	57	54	0	3	56	56	0	0	01	01	0
-Tổng số-		74	70	0	4	73	73	0	0	01	01	0

- Triển khai thực hiện việc tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích: tiếp nhận 0 hồ sơ, trả 20/73 Tổng số hồ sơ nhận kết quả qua BCCI (40%); 53 Hồ sơ nhận trực tuyến; 01 hồ sơ đang giải quyết;

- Về khảo sát mức độ hài lòng của người dân:

Sở VH TTDL nhận được 40 phiếu đánh giá trực tiếp/trực tuyến của tổ chức, cá nhân thực hiện giao dịch tại lĩnh vực của Sở. Tỷ lệ hài lòng đạt 100%; không có đánh giá không hài lòng hay chưa hài lòng.

c) Về tiếp nhận phản ánh, kiến nghị của người dân, tổ chức đối với thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết

Các thủ tục hành chính của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch được thực hiện nghiêm túc đúng quy định của Trung ương, của tỉnh về nội dung, hồ sơ, thời gian thực hiện đều được cắt giảm tối thiểu so với quy định. Hệ thống tiếp nhận và trả lời kiến nghị của doanh nghiệp: <https://pakn.dichvucong.gov.vn/> được công khai tại Trung tâm phục vụ hành chính công, xúc tiến đầu tư và hỗ trợ Doanh nghiệp tỉnh và Cổng thông tin điện tử của Sở, trang dịch vụ công trực tuyến tỉnh Nam Định nên thuận tiện cho người dân, tổ chức đến liên hệ làm việc. Chỉ đạo bộ

phần trực tiếp thực hiện nhiệm vụ tiếp công dân, cán bộ, công chức làm đầu mối trực tiếp tiếp nhận và giải quyết các thủ tục hành chính tiếp nhận đầy đủ các phản ánh, kiến nghị của người dân, tổ chức đối với thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết. Thường xuyên kiện toàn, bổ sung cán bộ, công chức sang làm việc tại TTPVHCC xúc tiến đầu tư và hỗ trợ Doanh nghiệp tỉnh đảm bảo đúng yêu cầu và thời gian được cử đến làm việc theo Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 Nghị định Chính phủ và Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06/12/2021 Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP. Đến nay, 100% kết quả được trả trước hạn, đúng hạn, không để tồn đọng, quá thời gian quy định.

- Trong Quý III năm 2023, Sở VH TTDL không có phản ánh, kiến nghị, đơn thư khiếu nại về công tác CCHC thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Sở VH TTDL.

- Sở VH TTDL luôn chấp hành chế độ thông tin báo cáo và thời hạn gửi báo cáo quy định tại Thông tư số 01/2020/TT-VPCP ngày 21/10/2020 của Văn phòng Chính phủ quy định chế độ báo cáo định kỳ và quản lý, sử dụng, khai thác hệ thống thông tin báo cáo của Văn phòng Chính phủ.

3. Cải cách hành chính bộ máy nhà nước

- Việc rà soát và tham mưu cấp có thẩm quyền ban hành sửa đổi, bổ sung chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức:

Sở VH TTDL tỉnh Nam Định đã rà soát, hoàn thiện vị trí việc làm của công chức theo quy định. UBND tỉnh Nam Định ban hành Quyết định số 1499/QĐ-UBND ngày 28/7/2023 về việc phê duyệt Danh mục vị trí việc làm, bản mô tả công việc và khung năng lực từng vị trí việc làm của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Nam Định.

Tiếp tục rà soát, hoàn thiện các quy định về vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý và chức danh nghề nghiệp chuyên ngành, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp của các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Sở còn lại (Trung tâm Huấn luyện và Thi đấu TDTT đã được UBND tỉnh phê duyệt Đề án vị trí việc làm).

- Công tác quản lý và sử dụng biên chế:

Thực hiện rà soát, sắp xếp tinh gọn bộ máy, bố trí cán bộ công chức, viên chức hợp lý, phù hợp chuyên môn, góp phần phát huy tính chủ động, sáng tạo của CBCCVC; thực hiện chế độ, chính sách cho cán bộ công chức, viên chức kịp thời, đúng quy định của pháp luật.

Tiếp tục kiện toàn, sắp xếp, tổ chức lại các đơn vị sự nghiệp công lập; sáp nhập các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc các ngành, lĩnh vực theo tinh thần của Nghị quyết số 19-NQ/TW; Nghị định số 120/2020/NĐ-CP ngày 07/10/2020 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập.

Sở đã hoàn thành việc rà soát, sắp xếp kiện toàn các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở. Dự kiến lộ trình tinh giản cấp phó là: Nhà hát Nghệ thuật truyền thống tỉnh Nam Định; Thư viện tỉnh Nam Định, Trung tâm Thể thao Thành tích cao tỉnh Nam Định; đảm bảo thực hiện theo Kế hoạch của tỉnh.

Số lượng Phòng quản lý nhà nước và các đơn vị trực thuộc Sở hiện có gồm: 9 phòng chuyên môn và 6 đơn vị sự nghiệp trực thuộc Sở, về số lượng cơ bản ổn định không có sự tăng giảm, qua rà soát không có sự chồng chéo chức năng, nhiệm vụ giữa các đơn vị thuộc Sở. Số lượng đến 9 tháng năm 2023 là: 50 công chức, 209 viên chức, 28 lao động hợp đồng theo Nghị định 68;

- Về phân cấp quản lý:

Thực hiện phân cấp quản lý về tổ chức và biên chế cho các đơn vị sự nghiệp trực thuộc theo đúng quy định của UBND tỉnh và quy định của pháp luật; Triển khai rà soát, sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện Đề án vị trí cho công chức, viên chức phù hợp với chức năng nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức, biên chế của các cơ quan, đơn vị sự nghiệp công lập căn cứ theo Nghị định số 62/2020/NĐ-CP của Chính phủ ngày 01/6/2020 về vị trí việc làm và biên chế công chức; Nghị định 106/2020/NĐ-CP của Chính phủ 10/09/2020 về vị trí việc làm và số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập được Sở triển khai thực hiện đảm bảo đúng quy định.

Thực hiện tốt công tác phân cấp quản lý các di tích lịch sử và danh thắng về cấp huyện đã phát huy tốt hiệu quả, giao trách nhiệm cho các phòng Văn hóa - Thông tin cấp huyện thẩm định các phòng hát kinh doanh karaoke trước khi trình Sở cấp phép đã tạo thuận lợi cho các tổ chức cá nhân xin giấy phép nhanh chóng.

Thanh tra Sở Phối hợp với các sở ngành và UBND cấp huyện có liên quan giải quyết các trường hợp phát sinh trong quản lý các di tích lịch sử, danh thắng trên địa bàn tỉnh được thực hiện đúng quy định.

- Về thực hiện Quy chế làm việc:

Chỉ đạo các phòng QLNN, đơn vị sự nghiệp trực thuộc Sở tiếp tục duy trì thực hiện nghiêm Chỉ thị số 26/CT-TTg ngày 05/9/2016 của Thủ tướng Chính phủ; Chỉ thị số 11/CT-UBND ngày 09/9/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc chấn chỉnh kỷ luật, kỷ cương, đạo đức công vụ trong các cơ quan hành chính nhà nước các cấp của tỉnh và Quy chế làm việc của Sở về việc tăng cường kỷ luật, kỷ cương, đạo đức công vụ trong cơ quan hành chính nhà nước của Sở VH-TT-DL; tổ chức rà soát, bổ sung, sửa đổi quy chế làm việc của cơ quan theo đúng quy định.

4. Cải cách chế độ công vụ

- Về xác định vị trí việc làm và cơ cấu công chức, viên chức:

Tháng 7/2023, Sở VHTTDL đã được UBND tỉnh ban hành vị trí việc làm của Sở và tiếp tục rà soát, hoàn thiện đề án vị trí việc làm các đơn vị sự nghiệp còn lại gửi Sở Nội vụ thẩm định trình UBND tỉnh phê duyệt trong thời gian tới.

- *Thực hiện các quy định về quản lý cán bộ, công chức, viên chức:*

Thực hiện tốt các quy định về quản lý cán bộ, công chức, viên chức theo quy định hiện hành. Trong đó, 9 phòng chuyên môn và 6 đơn vị trực thuộc thực hiện đúng các quy định về tuyển dụng công chức và các quy định về sử dụng, bổ nhiệm, khen thưởng và các chế độ, chính sách khác đối với cán bộ, công chức.

Đẩy mạnh cải cách chế độ công vụ, công chức; xác định vị trí việc làm và cơ cấu công chức theo ngạch; Kỷ luật, kỷ cương hành chính và đạo đức công vụ của cán bộ, công chức, viên chức: đề cao trách nhiệm người đứng đầu cơ quan, đơn vị trong việc triển khai, tổ chức thực hiện các nhiệm vụ CCHC và thực hiện nghiêm việc đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của người đứng đầu cơ quan, đơn vị; Tăng cường, chủ động giải quyết nhiệm vụ, công việc được giao, trong đó đã quy định cụ thể các nội dung cần phải thực hiện đối với các phòng chuyên môn, đơn vị thuộc Sở, kết quả của tiến độ, chất lượng của việc giải quyết công việc là cơ sở để xem xét, đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ; đánh giá xếp loại công chức, viên chức và bình xét thi đua khen thưởng; điều động, luân chuyển cán bộ hàng năm.

Về công tác đào tạo, bồi dưỡng: Tiếp tục cử cán bộ, công chức, viên chức tham gia các lớp học nâng cao nghiệp vụ chuyên môn, lý luận chính trị theo lĩnh vực phòng và cán bộ được phân công phụ trách theo Kế hoạch của Sở đã ban hành trong năm 2023.

Tiếp tục thực hiện kế hoạch luân chuyển vị trí công tác đối với các cán bộ thuộc diện luân chuyển đảm bảo theo quy định trong năm 2023.

5. Cải cách tài chính công

Đánh giá tình hình và kết quả thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí hoạt động tại cơ quan, đơn vị (kể cả đơn vị trực thuộc) theo Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005 của Chính phủ:

- Trên cơ sở dự toán năm được giao, Sở đã thực hiện quản lý chi tiêu đúng chế độ và quy định của nhà nước có hiệu quả, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ công tác được giao, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí. 6/6 đơn vị đã triển khai thực hiện nghiêm túc cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm và xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ, quy chế quản lý, sử dụng tài sản công; Việc chi trả lương qua tài khoản được thực hiện đúng quy định của nhà nước.

- Trong Quý III/2023, Sở VHTTDL tiếp tục thực hiện công khai sử dụng kinh phí, sử dụng tài sản cơ quan trên Cổng thông tin điện tử của Sở được thực hiện được thực hiện theo điểm b, khoản 1, điều 15 Luật ngân sách nhà nước. Sở

đã tổ chức hội nghị cán bộ công nhân viên chức của cơ quan Văn phòng Sở và lấy ý kiến biểu quyết dân chủ thông qua Quy chế chi tiêu nội bộ của cơ quan để ban hành điều chỉnh, bổ sung Quy chế chi tiêu nội bộ của Văn phòng Sở đảm bảo kịp thời, đúng quy định.

- Tiếp tục thực hiện các quy định về quản lý về tài chính đã được ban hành như: Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005, Nghị định 117/2013/NĐ-CP ngày 07/10/2013 về Quy định chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan nhà nước; Nghị định 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập. Tổ chức kê khai tài sản thu nhập đối với các đối tượng cần kê khai, đồng thời tiến hành công khai các phương tiện thông tin theo quy định.

- Việc công khai, minh bạch về quản lý ngân sách, thu chi tài chính được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách hỗ trợ.

6. Hiện đại hóa hành chính, xây dựng và phát triển chính phủ điện tử

a. Việc xây dựng và ban hành kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin

- Kết quả xây dựng, phát triển hạ tầng kỹ thuật:

Trang thiết bị phục vụ nhu cầu làm việc của cơ quan, đơn vị được đảm bảo. Hàng năm, Ủy ban nhân dân tỉnh đều bố trí nguồn kinh phí đảm bảo việc mua sắm, nâng cấp, thay thế các thiết bị theo quy định.

- + Mạng truyền số liệu chuyên dùng đang được đơn vị duy trì để đáp ứng việc vận hành, kết nối các ứng dụng dùng chung, như: phần mềm Một cửa điện tử, phần mềm Quản lý văn bản và điều hành và đảm bảo an toàn, an ninh thông tin trong quá trình trao đổi, gửi, nhận văn bản trên môi trường mạng.

- Kết quả xây dựng, phát triển các hệ thống nền tảng: Nhằm phát triển các hệ thống nền tảng phục vụ việc triển khai Chính quyền điện tử và đáp ứng nhu cầu phát triển các dịch vụ đô thị thông minh.

- Kết quả xây dựng, phát triển dữ liệu: Triển khai Hệ thống thông tin báo cáo Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch kết nối với Hệ thống thông tin báo cáo của Chính phủ và các hệ thống dịch vụ công khác.

- Kết quả xây dựng, phát triển các ứng dụng, dịch vụ nội bộ: Tiếp tục triển khai, sử dụng hệ thống văn bản và điều hành V-Office; Hệ thống thư điện tử công vụ, triển khai sử dụng chữ ký số chuyên dùng tại Sở và các đơn vị trực thuộc, tăng cường trao đổi văn bản dưới dạng điện tử, hiện tại trên 100% văn bản được phát hành trên phần mềm, trừ văn bản mật và văn bản đặc thù, tạo điều kiện thuận lợi cho việc tìm kiếm văn bản và lưu trữ hồ sơ. Trong Quý III, Sở đã cập nhật các văn bản của Trung ương, tỉnh đảm bảo đúng, đủ thông tin, đăng tải

gần 30 tin bài trên Cổng Thông tin điện tử của Sở VH TTDL.

- Kết quả xây dựng, phát triển ứng dụng dịch vụ phục vụ người dân và DN:

+ Duy trì vận hành Cổng Thông tin điện tử của Sở thực hiện nghiêm túc theo các quy định của Luật Tiếp cận thông tin, cung cấp đầy đủ các nội dung theo quy định tại Điểm h, Khoản 1, Điều 34 Luật Tiếp cận thông tin và Khoản 1 Điều 12 Nghị định số 13/2018/NĐ-CP, như việc xác định đầu mối cung cấp thông tin. Đã công khai các thông tin theo quy định tại Điều 17, Điều 19 của Luật tiếp cận thông tin và quy định của Nghị định số 43/2011/NĐ-CP; Nghị định số 42/NĐ-CP ngày 24/6/2022 quy định về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến của cơ quan nhà nước trên môi trường mạng và các văn bản hướng dẫn, đăng tải thông tin thường xuyên, liên tục, cung cấp kịp thời các văn bản, thông tin chỉ đạo, điều hành trên Cổng TTĐT ... tạo điều kiện thuận lợi để cá nhân, tổ chức khai thác thông tin; Hệ thống kết nối được duy trì thường xuyên để tiếp nhận và xử lý kịp thời những phản ánh, kiến nghị của người dân và doanh nghiệp.

+ Thực hiện nghiêm việc tổ chức đấu thầu qua mạng theo lộ trình triển khai của Bộ Kế hoạch và Đầu tư và của tỉnh. Thực hiện công khai kế hoạch đấu thầu trên cổng thông tin điện tử của Sở; 100% các nội dung, hình thức công khai các thông tin trên cổng Thông tin điện tử của Sở theo quy định tại Nghị định 42/2022/NĐ-CP ngày 24/6/2022 của Chính phủ quy định về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến của cơ quan nhà nước trên môi trường mạng.

+ Phần mềm tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm Phục vụ Hành chính công và xúc tiến đầu tư tỉnh:

Sở đã sử dụng phần mềm dịch vụ công trực tuyến Phần mềm đã kết nối, liên thông trên toàn tỉnh, kết nối với Cổng Dịch vụ công Quốc gia, Cổng Dịch vụ công của tỉnh, trực kết nối, liên thông của tỉnh theo quy định và các văn bản chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh.

+ Thư điện tử công vụ:

Duy trì triển khai, vận hành Hệ thống thư điện tử công vụ của tỉnh, cơ bản đáp ứng về tính năng, tiêu chuẩn kỹ thuật.

Đa số công chức, viên chức sử dụng thư công vụ trong trao đổi công việc, góp phần tiết kiệm thời gian, giấy tờ, trao đổi công việc nhanh chóng, thuận tiện. Ngoài ra, việc sử dụng thư công vụ cũng đảm bảo về an toàn, bảo mật thông tin.

- Về công tác tìm hiểu, tuyên truyền về chuyển đổi số: Sở luôn quan tâm chỉ đạo về chuyển đổi số trong cơ quan, thường xuyên chỉ đạo, quán triệt đến toàn thể công chức, viên chức về tầm quan trọng của chuyển đổi số trong công tác chỉ đạo điều hành, phục vụ trong công việc chuyên môn và tạo thuận lợi tổ chức, cá nhân; tiếp nhận và đưa vào khai thác sử dụng những Hệ thống phần

mềm mới để phục vụ phát triển Chính quyền số;

b. Việc triển khai dịch vụ công trực tuyến toàn trình

Năm 2023 Sở VHTTDL đã triển khai cung cấp 100% dịch vụ công trực tuyến toàn trình cho 100% thủ tục hành chính đủ điều kiện quy định tại Nghị định 42/NĐ-CP thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở; tiếp tục triển khai việc tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích...;

- Hiện tại Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch đang cung cấp bộ TTHC gồm 145 TTHC (trong đó: 127 TTHC toàn trình; 18 TTHC một phần).

Tiếp tục rà soát TTHC đủ điều kiện cung cấp dịch vụ công trực tuyến một phần. Hệ thống báo cáo các bộ, ngành, địa phương và hệ thống báo cáo Chính phủ được khai thác hiệu quả đúng mục đích.

- Việc giải quyết TTHC qua lĩnh vực Bưu chính công ích (số hồ sơ tiếp nhận và giải quyết, số lượng hồ sơ trả đúng hạn, quá hạn): Từ ngày 11/6/2023 đến ngày 10/9/2023, số hồ sơ nhận giải quyết là: 74 hồ sơ (trong đó: đúng hạn 73 hồ sơ, chưa đến hạn 01 hồ sơ; quá hạn: 0)

c. Áp dụng ISO trong hoạt động của cơ quan hành chính

- Thực hiện Quyết định số 19/2014/QĐ-TTg ngày 25/3/2014 của Thủ tướng chính phủ về việc áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001 vào hoạt động cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước, Sở đã thực hiện việc áp dụng duy trì và cải tiến HTQLCL theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 vào hoạt động tại Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch đúng quy định.

- Tiếp tục duy trì và đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia ISO 9001: 2015; Cập nhật những thay đổi trong quy trình ISO.

7. Thực hiện cơ chế một cửa và một cửa liên thông

Trong Quý III/2023, Sở tiếp tục triển khai thực hiện tốt Kế hoạch số 86/KH-UBND ngày 28/7/2021 của UBND tỉnh về việc triển khai Đề án đổi mới việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh Nam Định, Cập nhật và bổ sung kịp thời các TTHC trên Cổng dịch vụ công của tỉnh, của Sở, tạo điều kiện thuận lợi cho người dân, tổ chức tiếp cận thực hiện; chỉ đạo cán bộ phụ trách tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả tại Trung tâm Phục vụ Hành chính công, xúc tiến đầu tư và hỗ trợ doanh nghiệp tỉnh thực hiện nghiêm túc và giải quyết kịp thời các TTHC có liên quan đến hoạt động VHTTDL đảm bảo đúng quy định. 100% giấy phép, thông báo được cấp đúng hạn. Tinh thần thái độ của cán bộ thực hiện việc tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công, xúc tiến đầu tư và hỗ trợ doanh nghiệp tỉnh luôn hòa nhã, lịch sự, lễ phép, lắng nghe và tiếp nhận đầy đủ các phản ánh, kiến nghị của người dân, tổ chức.

Từ 11/6/2023 đến ngày 10/9/2023, Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch đã tiếp nhận 74 hồ sơ giải quyết TTHC, trong đó: 02 hồ sơ cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hành nghề tu bổ di tích; 02 hồ sơ cấp chứng chỉ hành nghề tu bổ di tích; 01 hồ sơ cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa; 08 hồ sơ cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch quốc tế; Thủ tục cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch nội địa; 04 hồ sơ lĩnh vực thể thao; 05 hồ sơ tổ chức biểu diễn nghệ thuật trên địa bàn quản lý (không thuộc trường hợp trong khuôn khổ hợp tác quốc tế của các hội chuyên ngành về nghệ thuật biểu diễn thuộc Trung ương, đơn vị sự nghiệp công lập có chức năng biểu diễn nghệ thuật thuộc Trung ương); 51 hồ sơ Thủ tục tiếp nhận hồ sơ thông báo sản phẩm quảng cáo trên bảng quảng cáo, băng-rôn; 01 hồ sơ Thủ tục tiếp nhận thông báo tổ chức đoàn người thực hiện quảng cáo; Đã giải quyết trước hạn, đúng hạn 73 hồ sơ, 01 hồ sơ trong hạn đang giải quyết; 0 hồ sơ quá hạn.

+ Công khai số điện thoại đường dây nóng tiếp nhận, trả lời phản ánh, kiến nghị của người dân, doanh nghiệp về thực hiện TTHC tại Sở VH-TT-DL

- Tiếp tục phối hợp với Trung tâm phục vụ hành chính công, xúc tiến đầu tư và hỗ trợ doanh nghiệp tỉnh Nam Định trong công tác kiểm soát và giải quyết TTHC và thực hiện Quy chế phối hợp theo quy định.

- Số TTHC giải quyết theo cơ chế một cửa trên tổng số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của cơ quan là: 145/145TTHC đạt 100%;

- Số TTHC thực hiện theo cơ chế một cửa liên thông trên tổng số thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của cơ quan: 35/145 TTHC; trong đó thẩm quyền giải quyết của Sở đã thực hiện 69 hồ sơ; thẩm quyền của UBND tỉnh 5 hồ sơ.

- Số Thủ tục hành chính được thực hiện qua Phần mềm Hệ thống một cửa (dichvucong.namdingh.gov.vn) là: 145/145TTHC (đạt 100%);

- Kết quả giải quyết Thủ tục hành chính của tổ chức, cá nhân theo cơ chế một cửa (số lượng hồ sơ tiếp nhận và giải quyết, số lượng hồ sơ trả trước hạn, đúng hạn, quá hạn): Số hồ sơ tiếp nhận từ 11/6/2023 đến 10/9/2023 là 74 Hồ sơ, đã giải quyết 73 hồ sơ trước hạn và đúng hạn ; trả quá hạn: 0; đang giải quyết: 01 hồ sơ.

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

3.1. Thuận lợi

Nhìn chung, công tác CCHC của đã được Lãnh đạo Sở quan tâm, chỉ đạo thực hiện; các phòng và đơn vị trực thuộc chủ động thực hiện theo đúng kế hoạch. Các TTHC được duy trì niêm yết công khai, minh bạch theo đúng quy định; tập trung rà soát các TTHC để kịp thời tham mưu cho Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Quyết định công bố theo đúng quy định; công tác kiểm tra, rà soát VBQPPL và tuyên truyền, phổ biến VBQPPL được thực hiện nghiêm túc, có hiệu quả; Duy trì tiếp nhận, giải quyết và trả kết quả TTHC theo đúng quy trình

của Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; Việc ứng dụng công nghệ thông tin vào hoạt động của đơn vị được thực hiện tốt, ngày càng có hiệu quả hơn, đặc biệt là trong việc sử dụng thư điện tử công vụ; cải cách tài chính công trong lĩnh vực VHTTDL được quan tâm, triển khai theo đúng quy định; việc tham mưu triển khai thực hiện công tác ISO vào hoạt động của các đơn vị trên địa bàn tỉnh vẫn đang được quan tâm triển khai.

3.2. Khó khăn

- Việc triển khai phần mềm tại tỉnh cùng lúc áp dụng nhiều phần mềm trong hệ thống báo cáo có nhiều khó khăn cho các Sở trong quá trình thực hiện.

- Việc ban hành văn bản QPPL chưa đồng bộ, chất lượng, gây khó khăn trong công tác CCHC.

- Việc triển khai kết nối liên thông, chia sẻ dữ liệu giữa các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu quốc gia với các hệ thống thông tin của bộ, ngành, địa phương còn chậm, chưa đồng bộ dẫn đến nhiều nội dung liên quan đến đơn giản hóa TTHC chưa được triển khai kịp thời.

IV. KIẾN NGHỊ ĐỀ XUẤT

Không

V. NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM CCHC 3 THÁNG CUỐI NĂM 2023

1. Tiếp tục tổ chức thực hiện tốt những nội dung, nhiệm vụ trong Kế hoạch cải cách hành chính; Kế hoạch kiểm soát thủ tục hành chính; Kế hoạch Chuyển đổi số; Kế hoạch tuyên truyền CCHC năm 2023 của Sở VHTTDL.

2. Tăng cường công tác kiểm tra, rà soát các văn bản quy phạm pháp luật để kịp thời đề xuất xây dựng mới, sửa đổi, bổ sung hoặc bãi bỏ. Thường xuyên rà soát, đánh giá các thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực ngành để chủ động tham mưu cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định công bố danh mục thủ tục hành chính.

3. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của đơn vị, thường xuyên theo dõi, cập nhật thông tin về công tác CCHC lên Cổng thông tin điện tử của Sở.

4. Duy trì thực hiện tốt việc giải quyết các TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở theo quy trình tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công;

5. Tiếp tục hướng dẫn và tổ chức kiểm tra các đơn vị trong công tác duy trì áp dụng hệ thống ISO vào hoạt động của các cơ quan hành chính nhà nước trên 9 địa bàn tỉnh.

6. Tiếp tục thực hiện có hiệu quả Chỉ thị 26/CT-TTg về việc “Tăng cường kỷ luật, kỷ cương trong các cơ quan hành chính Nhà nước các cấp”; Chỉ thị số 10/CT-TTg ngày 22/4/2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường xử lý, ngăn chặn có hiệu quả tình trạng nhũng nhiễu, gây phiền hà cho người dân,


doanh nghiệp trong giải quyết công việc và Chỉ thị số 11/CT-UBND ngày 09/9/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc “Chấn chỉnh kỷ luật, kỷ cương, đạo đức công vụ trong các cơ quan hành chính nhà nước các cấp của tỉnh Nam Định”, và nội quy, quy chế, sự phân công của Sở.

7. Xây dựng Kế hoạch CCHC năm 2024 của Sở VHTTDL.

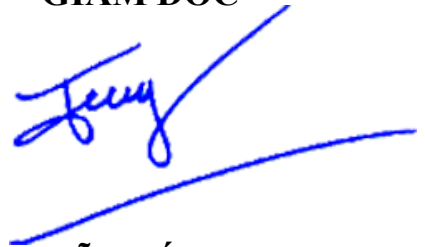
Trên đây là báo cáo thực hiện công tác cải cách hành chính Quý III/2023, của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch Nam Định./.

(Gửi kèm theo các phụ lục phần II mục 1,2,3,4,5,6,7,8)

Nơi nhận:

- UBND tỉnh;
- Sở Nội vụ;
- Sở Tư pháp; (để b/c)
- Sở Tài chính;
- Sở TTTT;
- Sở KHCN;
- Sở KHĐT;
- Các Đ/c Phó Giám đốc;
- Các phòng QLNN;
- Các đơn vị sự nghiệp trực thuộc;
- Công TTĐT Sở;
- Lưu: VT. 

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Tiến Dũng

PHỤ LỤC
BIỂU MẪU THỐNG KÊ SỐ LIỆU BÁO CÁO
CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH QUÍ III/2023 CỦA SỞ VHTTDL
(Kèm theo Báo cáo số 1230 /BC-SVHTTDL ngày 11 tháng 9 năm 2023 của Sở VHTTDL)

Biểu mẫu 1
Công tác chỉ đạo điều hành CCHC

STT	Chỉ tiêu thống kê <i>(Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)</i>	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.	Số văn bản chỉ đạo CCHC đã ban hành <i>(Kết luận, chỉ thị, công văn chỉ đạo, quán triệt)</i>	Văn bản	20	
2.	Tỷ lệ hoàn thành Kế hoạch CCHC năm <i>(Lũy kế đến thời điểm báo cáo)</i>	%	83%	
2.1.	Số nhiệm vụ đề ra trong kế hoạch	Nhiệm vụ	50	
2.2.	Số nhiệm vụ đã hoàn thành	Nhiệm vụ	35	
3.	Kiểm tra CCHC			
3.1.	Số sở, ngành đã kiểm tra	Cơ quan, đơn vị	0	Sở VHTTDL đang tổ chức kiểm tra đối với các phòng chuyên môn, đơn vị thuộc Sở.
3.2.	Số UBND cấp huyện đã kiểm tra	Cơ quan, đơn vị	0	
3.3.	Tỷ lệ xử lý các vấn đề phát hiện qua kiểm tra	%	0	
3.3.1.	Số vấn đề phát hiện qua kiểm tra	Vấn đề	0	

3.3.2.	Số vấn đề phát hiện đã xử lý xong	Vấn đề	0	
4.	Thanh tra việc thực hiện quy định pháp luật về tuyển dụng, quản lý, sử dụng CC, VC và tổ chức bộ máy (thuộc thẩm quyền của Sở Nội vụ)			
4.1.	Số cơ quan, đơn vị được thanh tra	%	0	
4.2.	Tỷ lệ cơ quan, đơn vị đã hoàn thành việc thực hiện kết luận thanh tra	%	0	
5.	Thực hiện nhiệm vụ Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, UBND tỉnh giao			Thực hiện các nhiệm vụ của UBND tỉnh giao: Quý III/2023 trên phần mềm kiểm đếm văn bản http://vpubndtinh.namdinh.gov.vn/record/work/index Sở VHTTDL có 13 nhiệm vụ được UBND tỉnh giao và đã hoàn thành trước hạn 10 nhiệm vụ; 03 nhiệm vụ trong hạn và đang thực hiện.
5.1.	Tổng số nhiệm vụ được giao	Nhiệm vụ	13	
5.2.	Số nhiệm vụ đã hoàn thành đúng hạn	Nhiệm vụ	10	
5.3.	Số nhiệm vụ đã hoàn thành nhưng quá hạn	Nhiệm vụ	0	
5.4.	Số nhiệm vụ quá hạn nhưng chưa hoàn thành	Nhiệm vụ	0	
6.	Khảo sát sự hài lòng của người dân, tổ chức	Có = 1; Không = 0	1	
6.1.	Số lượng phiếu khảo sát	Số lượng	50/74	
6.2.	Hình thức khảo sát	Trực tuyến = 0 Phát phiếu = 1 Kết hợp = 2	0	
7.	Tổ chức đối thoại của lãnh đạo với người dân, cộng đồng doanh nghiệp	Không = 0 Có = 1	1	Kế hoạch số 1599/KH-SVHTTDL ngày 20/12/2022 về việc Tổ chức đối thoại trực tiếp với tổ chức, cá nhân về thủ tục hành chính và giải quyết thủ tục hành chính của Sở VHTTDL năm 2023.

Biểu mẫu số 2
Cải cách thể chế

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.	Tổng số VBQPPL¹ do địa phương ban hành	Văn bản	0	
1.1.	Số VBQPPL do cấp tỉnh ban hành	Văn bản	0	
1.2.	Số VBQPPL do cấp huyện ban hành	Văn bản		
1.3.	Số VBQPPL do cấp xã ban hành	Văn bản		
2.	Kiểm tra, xử lý VBQPPL			
2.1.	Số VBQPPL đã kiểm tra theo thẩm quyền của cấp tỉnh	Văn bản	0	
2.2.	Tỷ lệ xử lý VBQPPL sau kiểm tra	%	0	
2.2.1.	Tổng số VBQPPL cần phải xử lý sau kiểm tra	Văn bản	0	
2.2.2.	Số VBQPPL có kiến nghị xử lý đã được xử lý xong	Văn bản	0	
3.	Rà soát VBQPPL			
3.1.	Số VBQPPL đã rà soát thuộc thẩm quyền của cấp tỉnh	Văn bản	0	
3.2.	Tỷ lệ xử lý VBQPPL sau rà soát	%	0	
3.2.1.	Tổng số VBQPPL cần phải xử lý sau rà soát	Văn bản	0	
3.2.2.	Số VBQPPL có kiến nghị xử lý đã được xử lý xong	Văn bản	0	

¹ Văn bản quy phạm pháp luật.

Biểu mẫu số 3
Cải cách thủ tục hành chính

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.	Thống kê TTHC			
1.1.	Số TTHC đã được phê duyệt phương án đơn giản hóa	Thủ tục	03 TTHC	Báo cáo số 1035/BC-SVHTTDL ngày 04/8/2023 Kết quả rà soát đơn giản hóa thủ tục hành chính của Sở VH TTDL, năm 2023 (trình UBND tỉnh công bố đơn giản hóa 03 TTHC)
1.2.	Số TTHC công bố mới	Thủ tục	0	
1.3.	Số TTHC bãi bỏ, thay thế, sửa đổi	Thủ tục	08 TTHC (sửa đổi)	Quyết định số 497/QĐUBND ngày 28/7/2023 của UBND tỉnh Về việc công bố danh mục thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực Du lịch thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch.
1.4.	Tổng số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết tại địa phương	Thủ tục		
1.4.1.	Số TTHC cấp tỉnh (Bao gồm cả TTHC của cơ quan ngành dọc)	Thủ tục	145	
1.4.2.	Số TTHC cấp huyện (Bao gồm cả TTHC của cơ quan ngành dọc)	Thủ tục	15	
1.4.3.	Số TTHC cấp xã (Bao gồm cả TTHC của cơ quan ngành dọc)	Thủ tục	7	
2.	Thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông			
2.1.	Số TTHC liên thông cùng cấp	Thủ tục		dichvucong.namdinh.gov.vn

2.2.	Số TTHC liên thông giữa các cấp chính quyền	Thủ tục	35/145	
2.3.	Số TTHC đã thực hiện tiếp nhận và giải quyết hồ sơ không phụ thuộc vào địa giới hành chính.	Thủ tục	12/145	
3.	Kết quả giải quyết TTHC			
3.1.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do các sở, ngành tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	%	100%	
3.1.1.	<i>Tổng số hồ sơ TTHC đã giải quyết xong</i>	<i>Hồ sơ</i>	73/74	dichvucong.namdinh.gov.vn
3.1.2.	<i>Số hồ sơ TTHC giải quyết đúng hạn</i>	<i>Hồ sơ</i>	74/74	
3.2.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do UBND cấp huyện tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	%		
3.2.1.	<i>Tổng số hồ sơ TTHC đã giải quyết xong</i>	<i>Hồ sơ</i>		
3.2.2.	<i>Số hồ sơ TTHC giải quyết đúng hạn</i>	<i>Hồ sơ</i>		
3.3.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do UBND cấp xã tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	%		
3.3.1.	<i>Tổng số hồ sơ TTHC đã giải quyết xong</i>	<i>Hồ sơ</i>		
3.3.2.	<i>Số hồ sơ TTHC giải quyết đúng hạn</i>	<i>Hồ sơ</i>		
3.4.	Tỷ lệ giải quyết phản ánh, kiến nghị (PAKN) về quy định TTHC	%	0	Hệ thống tiếp nhận và trả lời kiến nghị của doanh nghiệp: https://pakn.dichvucong.gov.vn/ Trong Quý III/2023 Sở VHTTDL ko nhận được PAKN của tổ chức, cá nhân trong giải quyết TTHC.
3.4.1.	<i>Tổng số PAKN đã tiếp nhận (trực tiếp hoặc do cơ quan có thẩm quyền chuyển đến)</i>	<i>PAKN</i>	0	
3.4.2.	<i>Số PAKN đã giải quyết xong</i>	<i>PAKN</i>	0	

Biểu mẫu 4
Cải cách tổ chức bộ máy

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.	Sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy			
1.1.	Tỷ lệ sở, ngành đã hoàn thành việc sắp xếp các phòng chuyên môn đáp ứng các tiêu chí theo quy định của Chính phủ	%	100%	
1.2.	Tỷ lệ UBND cấp huyện đã hoàn thành việc sắp xếp các phòng chuyên môn đáp ứng các tiêu chí theo quy định của Chính phủ	%		
1.3.	Số lượng các ban quản lý trực thuộc UBND cấp tỉnh	Ban		
1.4.	Số tổ chức liên ngành do cấp tỉnh thành lập	Tổ chức		
1.5.	Tổng số đơn vị sự nghiệp công lập (ĐVSNNCL) tại địa phương	Cơ quan, đơn vị		
1.5.1.	Số ĐVSNNCL thuộc UBND tỉnh	Cơ quan, đơn vị		
1.5.2.	Số ĐVSNNCL thuộc sở, ngành và tương đương	Cơ quan, đơn vị	06	
1.5.3.	Số ĐVSNNCL thuộc UBND cấp huyện	Cơ quan, đơn vị		
1.5.4.	Tỷ lệ ĐVSNNCL đã cắt giảm so với năm 2015	%	46,15%	Cắt giảm 7/13
2.	Số liệu về biên chế công chức			
2.1.	Tổng số biên chế được giao trong năm	Người	55	
2.2.	Tổng số biên chế có mặt tại thời điểm báo cáo	Người	50	
2.3.	Số hợp đồng lao động làm việc tại các cơ quan, tổ chức hành chính	Người	01	(Hợp đồng lao động theo Nghị định 161)
2.4.	Số biên chế đã tinh giản trong kỳ báo cáo	Người	0	
2.5.	Tỷ lệ phần trăm biên chế đã tinh giản so với năm 2015	%	10%	
3.	Số người làm việc hưởng lương từ NSNN tại các đơn vị sự nghiệp công lập			
3.1.	Tổng số người làm việc được giao	Người	263	
3.2.	Tổng số người làm việc có mặt tại thời điểm báo cáo	Người	209	
3.3.	Số người đã tinh giản trong kỳ báo cáo	Người	01	
3.4.	Tỷ lệ % đã tinh giản so với năm 2015	%	10%	

Biểu mẫu 5
Cải cách chế độ công vụ

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.	Vị trí việc làm của công chức, viên chức			
1.1.	Số cơ quan, tổ chức hành chính đã được phê duyệt vị trí việc làm theo quy định	Cơ quan, đơn vị	01	
1.2.	Số đơn vị sự nghiệp đã được phê duyệt vị trí việc làm theo quy định	Cơ quan, đơn vị	6	
1.3.	Số cơ quan, tổ chức có vi phạm trong thực hiện vị trí việc làm phát hiện qua thanh tra	Cơ quan, đơn vị	0	
2.	Tuyển dụng công chức, viên chức			
2.1.	Số công chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển)	Người	0	
2.2.	Số công chức được tuyển dụng theo trường hợp đặc biệt.	Người	0	
2.3.	Số cán bộ, công chức cấp xã được xét chuyển thành công chức cấp huyện trở lên.	Người	0	
2.4.	Số viên chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển).	Người	0	
2.5.	Số viên chức được tuyển dụng theo trường hợp đặc biệt.	Người	0	
3.	Số lượng lãnh đạo quản lý được tuyển chọn, bổ nhiệm thông qua thi tuyển (Lũy kế từ đầu năm)	Người	0	
4.	Số lượng cán bộ, công chức, viên chức bị kỷ luật (cả về Đảng và chính quyền).		0	
4.1.	Số lãnh đạo cấp tỉnh bị kỷ luật.	Người	0	
4.2.	Số lãnh đạo cấp sở, ngành và UBND cấp huyện bị kỷ luật.	Người	0	
4.3.	Số lãnh đạo cấp phòng thuộc sở, ngành và UBND cấp huyện bị kỷ luật.	Người	0	
4.4.	Số người làm việc hưởng lương từ NSNN tại các đơn vị SNCL bị kỷ luật.	Người	0	

Biểu mẫu 6
Cải cách tài chính công

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.	Tỷ lệ thực hiện Kế hoạch giải ngân vốn đầu tư công	%		
1.1.	Kế hoạch được giao	Triệu đồng	13.974.000.000	
1.2.	Đã thực hiện	Triệu đồng	13.546.010.127	
2.	Thực hiện tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp (ĐVSN) tại địa phương (lũy kế đến thời điểm báo cáo)			
2.1.	Tổng số ĐVSN công lập tại địa phương	Đơn vị	06	
2.2.	Số ĐVSN tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư	Đơn vị	0	
2.3.	Số ĐVSN tự bảo đảm chi thường xuyên	Đơn vị	0	
2.4.	Số ĐVSN tự bảo đảm một phần chi thường xuyên	Đơn vị	04	
2.4.1.	Số ĐVSN tự bảo đảm từ 70% - dưới 100% chi thường xuyên	Đơn vị	0	
2.4.2.	Số ĐVSN tự bảo đảm từ 30% - dưới 70% chi thường xuyên	Đơn vị	0	
2.4.3.	Số ĐVSN tự bảo đảm từ 10% - dưới 30% chi thường xuyên	Đơn vị	04/06	
2.5.	Số ĐVSN do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên	Đơn vị	02/06	
2.6.	Số lượng ĐVSN đã chuyển đổi thành công ty cổ phần (lũy kế đến thời điểm báo cáo)	Đơn vị	0	

Biểu mẫu 7
Xây dựng và phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.	Cập nhật Kiến trúc chính quyền điện tử phiên bản mới nhất	Chưa = 0 Hoàn thành = 1		
2.	Xây dựng và vận hành Hệ thống hợp trực tuyến <i>Liên thông 2 cấp: Từ UBND tỉnh - 100% UBND các huyện.</i> <i>Liên thông 3 cấp: Từ UBND tỉnh - 100% UBND cấp huyện, cấp xã.</i>	Chưa có = 0 2 cấp = 1 3 cấp = 2		
3.	Tỷ lệ báo cáo định kỳ được gửi, nhận qua Hệ thống thông tin báo cáo quốc gia	%		https://baocao.namdinh.gov.vn/sites/bc/SitePages/default.aspx
4.	Triển khai xây dựng nền tảng chia sẻ, tích hợp dùng chung (LGSP).	Chưa = 0 Đang làm = 1 Hoàn thành = 2	Đã hoàn thành	
5.	Số liệu về trao đổi văn bản điện tử			
5.1.	Thực hiện kết nối, liên thông các Hệ thống quản lý văn bản điều hành từ cấp tỉnh đến cấp xã			
5.1.1.	<i>Tỷ lệ sở, ngành đã kết nối, liên thông với UBND tỉnh</i>	%	100%	
5.1.2.	<i>Tỷ lệ UBND cấp huyện đã kết nối, liên thông với UBND tỉnh</i>	%		
5.1.3.	<i>Tỷ lệ UBND cấp xã đã kết nối, liên thông với UBND huyện.</i>	%		
5.2.	Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của địa phương (<i>Chỉ thống kê tỷ lệ văn bản được gửi hoàn toàn dưới dạng điện tử; sử dụng chữ ký số, chứng thư số và gửi trên môi trường điện tử.</i>)	%	100%	
5.2.1.	<i>Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của các sở, ban, ngành cấp tỉnh</i>	%	100%	
5.2.2.	<i>Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của UBND cấp huyện</i>	%		
5.2.3.	<i>Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của UBND cấp xã</i>	%		

5.3.	Vận hành Hệ thống thông tin một cửa điện tử tập trung của tỉnh			
5.3.1	Tỷ lệ sở, ngành đã kết nối liên thông với Hệ thống	%	100%	Trung Tâm Phục vụ Hành chính công xúc tiến đầu tư và hỗ trợ doanh nghiệp tỉnh Nam Định
5.3.2	Tỷ lệ đơn vị cấp huyện đã kết nối liên thông với Hệ thống	%		
5.3.3.	Tỷ lệ đơn vị cấp huyện đã kết nối liên thông với Hệ thống	%		
6.	Cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình			
6.4.	Tỷ lệ TTHC đủ điều kiện được cung cấp trực tuyến một phần	%	100%	
6.4.1.	Tổng số TTHC đủ điều kiện cung cấp trực tuyến một phần	Thủ tục	18/145	
6.4.2.	Số TTHC đang cung cấp trực tuyến một phần	Thủ tục	18/145	
6.4.3.	Số TTHC đang cung cấp trực tuyến một phần có phát sinh hồ sơ nộp trực tuyến	Thủ tục	0 TTHC	
6.5.	Tỷ lệ TTHC đủ điều kiện được cung cấp trực tuyến toàn trình	%	100%	
6.5.1.	Tổng số TTHC đủ điều kiện cung cấp trực tuyến toàn trình	Thủ tục	127/127 TTHC	
6.5.2.	Số TTHC đang cung cấp trực tuyến toàn trình	Thủ tục	127 TTHC	
6.5.3.	Số TTHC đang cung cấp trực tuyến toàn trình có phát sinh hồ sơ nộp trực tuyến	Thủ tục	30/145	
6.6.	Tỷ lệ TTHC cung cấp trực tuyến toàn trình và một phần đã tích hợp, công khai trên Cổng DVC quốc gia	%	100%	
6.6.1.	Tổng số TTHC đang cung cấp trực tuyến toàn trình và một phần của địa phương	Thủ tục	145 TTHC	
6.6.2.	Số TTHC cung cấp trực tuyến mức Toàn trình và một phần đã tích hợp, công khai trên Cổng DVC quốc gia	Thủ tục	145 TTHC	
6.7.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC được tiếp nhận trực tuyến toàn trình (Chi thống kê đối với các TTHC toàn trình có phát sinh hồ sơ)	%	100%	

6.7.1.	Tổng số hồ sơ TTHC đã tiếp nhận (toàn trình và một phần)	Hồ sơ	74	
6.7.2.	Số hồ sơ TTHC đã tiếp nhận toàn trình	Hồ sơ	74	
6.8.	Tỷ lệ TTHC được tích hợp, triển khai thanh toán trực tuyến	%	100%	https://dichvucong.gov.vn/p/home/dvc-thanh-toan-truc-tuyen.html
6.8.1.	<i>Tổng số TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính (tất cả các TTHC có phát sinh phí, lệ phí, ...)</i>	<i>Thủ tục</i>	60	https://dichvucong.gov.vn/p/home/dvc-thanh-toan-truc-tuyen.html
6.8.2.	<i>Số TTHC đã được tích hợp, triển khai thanh toán trực tuyến trên Cổng DVC quốc gia hoặc trên Cổng DVC của tỉnh.</i>	<i>Thủ tục</i>	60	https://dichvucong.gov.vn/p/home/dvc-thanh-toan-truc-tuyen.html